TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2019/DS-ST
Ngày: 23 – 8 – 2019
"V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hữu Lộc.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hải.
2. Ông Võ Minh Quang.
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phan Thị Đẹp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 201/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2019, về việc "tranh chấp hợp đồng dịch vụ". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Giang L, sinh năm: 1976;
Địa chỉ: 217/28, Th, Phường 12, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1972 (Giấy ủy quyền ngày 12/3/2019);
Địa chỉ: Số 15, đường số 7, Phường 4, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;
- *Bị đơn*: Ông Đặng Văn M, sinh năm: 1955;
Địa chỉ: ấp Đồng T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
1. Bà Nguyện Ngọc D, sinh năm: 1977;
Địa chỉ: 217/28, Th, Phường 12, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1972 (Giấy ủy quyền ngày 20/8/2019);
Địa chỉ: Số 15, đường số 7, Phường 4, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;
2. Văn phòng Công chứng H;
Địa chỉ: Số 9A, khu dân cư N, Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Long An.
(Bà H và ông M có mặt, Văn phòng Công chứng H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 14/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 18/8/2018, ông

Huỳnh Giang L và bà Nguyện Ngọc D (là vợ ông L) có ký hợp đồng khoán việc với ông Đặng Văn M tại Văn phòng Công chứng H. Theo đó, ông Đặng Văn M thay mặt ông L, bà D thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây hàng năm sang đất ở tại nông thôn đối với thửa đất số 2891, tờ bản đồ số 04, diện tích là 3.038m^2 do ông L và bà D là đồng chủ sử dụng. Thời gian thực hiện trong 04 tháng, thù lao là 420.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng trên thì ông L đã giao cho ông M 50% số tiền là 210.000.000 đồng. Tuy nhiên ông M đã không thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng là không tiến hành thủ tục chuyển mục đích sử dụng. Nay ông L và bà D yêu cầu ông M phải hoàn trả lại số tiền 210.000.000 đồng và lãi suất kể từ ngày nhận đến ngày xét xử mỗi tháng là 1,2%; yêu cầu hủy hợp đồng khoán việc nêu trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 23/8/2019, bà H đại diện cho ông L và bà D không yêu cầu ông M phải trả lãi suất.

- Bị đơn ông Đặng Văn M trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của đại diện nguyên đơn, giữa ông M và ông L, bà D có ký hợp đồng khoán việc như trình bày trên. Ông đồng ý trả cho ông L và bà D số tiền 210.000.000 đồng, ông đề nghị ông L và bà D bỏ tiền lãi cho ông; ông M đồng ý hủy hợp đồng khoán việc nêu trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn phòng Công chứng H trình bày: Tại công văn số: 79/CV-VPCC ngày 12/4/2019 và công văn: 222/CV-VPCC ngày 21/8/2019 Văn phòng Công chứng H cho rằng việc ký hợp đồng khoán việc 18/8/2018 giữa ông Huỳnh Giang L, bà Nguyện Ngọc D (là vợ ông L) và ông Đặng Văn M đúng quy định của pháp luật; Văn phòng Công chứng H có đơn xin giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Huỳnh Giang L và bà Nguyện Ngọc D khởi kiện ông Đặng Văn M là vụ kiện "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Qua lời trình bày của các đương sự, chứng cứ có trong hồ sơ được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa cũng như tranh tụng tại phiên tòa cho thấy: Ngày 18/8/2018, ông Huỳnh Giang L và bà Nguyện Ngọc D (là vợ ông L) có ký hợp đồng khoán việc với ông Đặng Văn M tại Văn phòng Công chứng H. Theo đó, ông Đặng Văn M thay mặt ông L, bà D thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây hàng năm sang đất ở tại nông thôn đối với thửa đất số 2891, tờ bản đồ số 04, diện tích là 3.038m^2 do ông L và bà D là đồng chủ sử dụng. Thời gian thực hiện trong 04 tháng, thù lao là 420.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng trên thì ông L đã giao cho ông M 50% số tiền là 210.000.000 đồng. Tuy nhiên ông M đã không thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng là không tiến hành thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất. Nay ông L và bà D yêu cầu ông M phải hoàn trả lại số tiền 210.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

[3] Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Việc ông Huỳnh Giang L, bà Nguyện Ngọc D ký hợp đồng khoán việc với ông Đặng Văn M như trên là đúng sự thật,

ông Đặng Văn M đã nhận trước 210.000.000 đồng là có thật. Tuy nhiên ông M không thực hiện được công việc như giao kết trong hợp đồng nên buộc ông M phải trả lại cho ông L và bà D số tiền nói trên là 210.000.000 đồng. Do ông L và bà D không có yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[4] Về việc yêu cầu hủy hợp đồng khoán việc: Căn cứ vào các Điều 513, Điều 520 Bộ luật dân sự và sự đồng ý của các bên đương sự nên Hội đồng xét xử xét thấy hủy hợp đồng khoán việc ngày 18/8/2018 giữa ông Huỳnh Giang L, bà Nguyện Ngọc D và ông Đặng Văn M được công chứng tại Văn phòng Công chứng H là phù hợp.

[5] Về án phí: Ông Đặng Văn M là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được xét miễn, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Huỳnh Giang L.

Với các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26, 35, 92, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519 và 520 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Giang L và bà Nguyện Ngọc D về tranh chấp hợp đồng dịch vụ với ông Đặng Văn M.

Buộc ông Đặng Văn M phải trả cho ông Huỳnh Giang L và bà Nguyện Ngọc D số tiền 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Tuyên hủy hợp đồng khoán việc ngày ngày 18/8/2018 giữa ông Huỳnh Giang L, bà Nguyện Ngọc D và ông Đặng Văn M được công chứng tại Văn phòng Công chứng H.

[3] Về án phí: Miễn án phí cho ông Đặng Văn M. Trả lại cho ông Huỳnh Giang L 5.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001044 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đực thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện C;
-THA huyện C;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hữu Lộc